KHOGIA.VN – Tổng kho lưu trữ giá

QUẬN DƯƠNG KINH (8.6)

ĐVT: 1000 đồng/m2

STT	Tên đường phố, địa danh	Loại đô thị	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp			
			Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
	PHƯỜNG ANH DŨNG											
1	Đường Phạm Văn Đồng (Tỉnh lộ 353)	I	Cầu Rào (theo đường 353 mới)	Hết khách sạn PreaRiver	15.000	9.000	6.000	4.500	9.000	5.400	3.600	2.700
		I	Hết khách sạn PreaRiver	Ngã 3 đường 353 cũ (Cây xăng Công ty Sao Đỏ)	13.000	7.800	5.200	3.900	7.800	4.680	3.120	2.340
		I	Ngã 3 đường 353 cũ (Cây xăng Công ty Sao Đỏ)	Ngã 3 đường vào UBND phường Anh Dũng	8.000	4.800	3.200	2.400	4.800	2.880	1.920	1.440
		I	Ngã 3 đường vào UBND phường Anh Dũng	Hết địa phận phường Anh Dũng	10.000	6.000	4.000	3.000	6.000	3.600	2.400	1.800
2	Đường 353 cũ	I	Cầu Rào	Ngã 3 đường 353 cũ (Cây xăng Công ty Sao Đỏ)	8.000	4.800	3.200	2.400	4.800	2.880	1.920	1.440
3	Đường 355 (Ninh Hải - Kiến An)	I	Ngã 4 Ninh Hải (Nút giao thông 353-355)	Hết 300m đầu	9.000	5.400	3.600	2.700	5.400	3.240	2.160	1.620
		I	Hết 300m về phía Kiến An	Hết khu dự án phát triển nhà ở Anh Dũng 6	7.000	4.200	2.800	2.100	4.200	2.520	1.680	1.260
		I	Hết khu dự án phát triển nhà ở Anh Dũng 6	Giáp địa phận phường Hưng Đạo	6.000	3.600	2.400	1.800	3.600	2.160	1.440	1.080
4	Đường trục khu Phú Hải, Đường từ cửa hàng xăng dầu Vipco -UBND phường Anh Dũng	I	Toàn tuyến		3.500	2.100	1.400	1.050	2.100	1.260	840	630
5	Đường trục khu, liên khu Ninh Hải, Trà Khê, Phấn Dũng	I	Toàn tuyến		2.500	1.500	1.000	750	1.500	900	600	450
6	Các tuyến đường rải nhựa còn lại là đường trục nội bộ trong khu dân cư không thuộc các tuyến trên	I	Đầu đường	Cuối đường	1.500	900	600	450	900	540	360	270

KHOGIA.VN – Tổng kho lưu trữ giá

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Các tuyến đường trong dự án phát triển nhà ở Công ty XD573 (Anh Dũng 1) và Cty CPXNK và HT Quốc tế (Anh Dũng 5)	I	Mặt đường nội bộ nối với đường 353		6.000				3.600			
			Các lô còn lại trong dự án		4.000				2.400			
8	Dự án phát triển nhà ở của các Cty Sao Đỏ, Cty Xây dựng số 5, Cty KT Xây lắp VLXD Bộ thương mại, Cty TNHH Thuỷ Nguyên, Cty TNHH TM Mê Linh (Anh Dũng 2,3,4, Nam sông Lạch Tray, Khu biệt thự Mê Linh)	I	Mặt đường nội bộ nối với đường 353		10.000				6.000			
			Các lô còn lại trong dự án		8.000				4.800			
9	Dự án phát triển nhà ở của các Cty XD thuỷ lợi HP, Cty CP Xăng dầu VIPCO, Cty TNHH Việt Vương, Cty XD nhà Hà Nội (Anh Dũng 6,7,8)	I	Mặt đường nội bộ nối với đường 353 và 355		6.000				3.600			
			Các lô còn lại trong dự án		4.000				2.400			
10	Dự án Vườn Đốm	I	Toàn dự án		3.000				1.800			
11	Khu vực nằm ngoài đê (theo đường 353 cũ và nối tiếp đường Phạm Văn Đồng) đoạn từ hết Bảo tàng Hải Quân đến cách ngã 3 Ninh Hải 300m	I	Đường có mặt cắt 6 m trở lên		2.100	1.260	840	630	1.260	756	504	378
		I	Đường có mặt cắt dưới 6 m		1.500	900	600	450	900	540	360	270

KHOGIA.VN – Tổng kho lưu trữ giá

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	PHƯỜNG HẢI THÀNH											
12	Đường Phạm Văn Đồng (Tỉnh lộ 353)	I	Ngã 3 đường vào UBND phường Anh Dũng	Hết trạm VinaSat	9.000				5.400			
		I	Hết trạm VinaSat	kênh Hoà Bình	12.000				7.200			
		I	kênh Hoà Bình	Đường 402 (giáp địa phận phường Tân Thành)	10.000				6.000			
13	Đường công vụ 1, 2	I	Từ đầu đường 353 vào 100 m		5.000	3.000	2.000	1.500	3.000	1.800	1.200	900
		I	Đoạn sau 100 m		4.000	2.400	1.600	1.200	2.400	1.440	960	720
14	Đường công vụ 4 (vào viện nghiên cứu thuỷ sản)	I	Từ đầu đường 353 vào 100 m		2.500	1.500	1.000	750	1.500	900	600	450
		I	Đoạn sau 100 m		2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
15	Đường không phải đường công vụ nối với đường 353	I	Từ đầu đường 353 vào 100m		2.500	1.500	1.000	750	1.500	900	600	450
		I	Đoạn sau 100m		2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
16	Đường trục trong khu dân cư không thuộc các tuyến đường trên	I	Toàn tuyến		1.500	900	600	450	900	540	360	270
	PHƯỜNG HOÀ NGHĨA											
17	Phạm Văn Đồng (Đường 353)	I	Tiếp giáp phường Anh Dũng	Đường vào An Lập	10.000	6.000	4.000	3.000	6.000	3.600	2.400	1.800
		I	Đường vào An Lập	Hết địa phận phường Hoà Nghĩa	8.000	4.800	3.200	2.400	4.800	2.880	1.920	1.440
18	Đường 362 (Đường 402 cũ) (Hoà Nghĩa đi Kiến Thụy)	I	Giáp đường Phạm Văn Đồng	Về phía Kiến Thụy 200m	5.000	3.000	2.000	1.500	3.000	1.800	1.200	900
		I	Về phía Kiến Thụy 200m	Hết Cống Lai	4.000	2.400	1.600	1.200	2.400	1.440	960	720
		I	Hết Cống Lai	Hết địa phận phường Hoà Nghĩa	2.500	1.500	1.000	750	1.500	900	600	450

KHOGIA.VN – Tổng kho lưu trữ giá

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	Đường trục vào khu Hải Phong, phường Hòa Nghĩa	I	Đầu đường	Hết nhà Văn hoá Hải Phong	3.500	2.100	1.400	1.050	2.100	1.260	840	630
		I	Hết nhà Văn hoá Hải Phong	Cuối đường	3.200	1.920	1.280	960	1.920	1.152	768	576
20	Đường trục vào UBND phường Hòa Nghĩa	I	Từ đường 353	Ngã tư UBND phường	3.500	2.100	1.400	1.050	2.100	1.260	840	630
		I	Ngã tư UBND phường	Cuối đường	3.000	1.800	1.200	900	1.800	1.080	720	540
21	Đường trục An Lập, An Toàn của phường Hòa Nghĩa	I	Từ đường 353	Cuối đường	3.000	1.800	1.200	900	1.800	1.080	720	540
22	Đường Trục dọc phường	I	Từ đường 361 (đường 402 cũ)	Ngã tư quán bà Sâm	2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
23	Các tuyến đường nội bộ liên tổ dân phố có mặt nhựa hoặc bê tông > 3m, mặt cắt đường >5mét	I	Đầu đường	Cuối đường	2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
	PHƯỜNG TÂN THÀNH											
24	Đường Phạm Văn Đồng (Tỉnh lộ 353)	I	Giáp địa phận phường Hải Thành	Cách 200m đường công vụ 3	8.000	4.800	3.200	2.400	4.800	2.880	1.920	1.440
		I	Từ đường công vụ 3 (đường vào UBND phường Tân Thành) về hai phía mỗi phía 200m		10.000	6.000	4.000	3.000	6.000	3.600	2.400	1.800
		I	Cách ngã 3 đường vào UBND phường Tân Thành về phía Đồ Sơn 200 mét	Hết địa phận phường Tân Thành	8.000	4.800	3.200	2.400	4.800	2.880	1.920	1.440
25	Đường công vụ	I	Từ đầu đường 353 vào 300m		4.000	2.400	1.600	1.200	2.400	1.440	960	720
		I	Đoạn sau 300m		2.500	1.500	1.000	750	1.500	900	600	450
26	Đường không phải đường công vụ	I	Từ đầu đường 353 vào 100m		3.000	1.800	1.200	900	1.800	1.080	720	540
		I	Đoạn sau 100m		2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360

KHOGIA.VN – Tổng kho lưu trữ giá

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
27	Đường Liên tổ dân phố	I	Từ đường công vụ 1 đến đường công vụ 4		3.500	2.100	1.400	1.050	2.100	1.260	840	630
28	Đường BN	I	Công vụ 3		3.500	2.100	1.400	1.050	2.100	1.260	840	630
	PHƯỜNG HƯNG ĐẠO											
29	Đường 355 (Ninh Hải - Kiến An)	I	Giáp địa phận phường Anh Dũng (công ty Đức Anh)	Hết Công ty TNHH Cự Bách	6.000	3.600	2.400	1.800	3.600	2.160	1.440	1.080
		I	Hết Công ty TNHH Cự Bách	Hết nghĩa trang Liệt sỹ phường Hưng Đạo	8.000	4.800	3.200	2.400	4.800	2.880	1.920	1.440
		I	Hết nghĩa trang Liệt sỹ phường Hưng Đạo	Đến hết địa phận phường Hưng Đạo	5.000	3.000	2.000	1.500	3.000	1.800	1.200	900
30	Đường 361 (đường 401) (thuộc địa phận phường Hưng Đạo)	I	Giáp phường Đa Phúc	Hết cống Kênh Hoà Bình (giáp địa phận huyện Kiến Thụy)	3.000	1.800	1.200	900	1.800	1.080	720	540
31	Các tuyến đường thuộc phường Hưng Đạo	I	Các đường nhánh của đường 355 là đường trục đi các khu Tiểu Trà, Phương Lung, Vọng Hải, Phúc Lộc đoạn 500m đầu, từ đường 355		2.500	1.500	1.000	750	1.500	900	600	450
		I	Các đường nhánh của đường 355 là đường trục đi các khu Tiểu Trà, Phương Lung,Vọng Hải, Phúc Lộc đoạn sau 500m, từ đường 355		2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
		I	Từ ngã 4 chợ Hương	Ngã 4 trường Mầm Non	4.500	2.700	1.800	1.350	2.700	1.620	1.080	810
		I	Ngã 4 trường Mầm Non	Cống Hương	2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
	PHƯỜNG ĐA PHÚC											
32	Đường 355 (Ninh Hải - Kiến An)	I	Giáp địa phận Hưng Đạo	Cống Tây (giáp địa phận Kiến An)	5.000	3.000	2.000	1.500	3.000	1.800	1.200	900

KHOGIA.VN – Tổng kho lưu trữ giá

1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
33	Đường trục phường Đa Phúc	I	Giáp đường 355 qua UBND phường Đa Phúc	Giáp phường Đồng Hòa, quận Kiến An	3.000	1.800	1.200	900	1.800	1.080	720	540
34	Đường 361 (đường 401 cũ) Đa Phúc đi Kiến Thụy)	I	Đầu đường ngã 3 Đa Phúc đoạn 200m đầu		4.000	2.400	1.600	1.200	2.400	1.440	960	720
			Sau ngã 3 Đa Phúc 200m đến giáp địa phận phường Hưng Đạo		3.000	1.800	1.200	900	1.800	1.080	720	540
35	Các tuyến đường thuộc phường Đa Phúc	I	Nhánh của đường trục phường thuộc các khu Phúc Hải, Quảng Luận, Đông Lãm		2.000	1.200	800	600	1.200	720	480	360
		I	Đường Cổ Tràng từ đường trục phường đến Vân Quan và đường trục Vân Quan từ Cầu Tốn đến ngã 3 Đồng Lanh		1.500	900	600	450	900	540	360	270